

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA**

Bản án số: 27/2017/DS-ST

Ngày: 25/9/2017

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Thuởng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa.

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST-DS ngày 24/8/2017 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2017/QĐXST-DS ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thanh M sinh năm: 1964

Địa chỉ: đường C, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Hồng T sinh năm: 1979

Địa chỉ: đường Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà M, bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị Thanh M trình bày:

Ngày 26/9/2014 (AL) tức ngày 12/10/2014 (DL) bà Bùi Hồng T có vay của bà số tiền 530.000.000đ, viết giấy vay nợ. Thỏa thuận trong ba năm trả gốc, lãi trả hàng tháng, mỗi tháng là 8.000.000đ. Cho đến nay bà T chưa trả gốc. Đối với tiền lãi thì trả hàng tháng nhưng không trả đủ theo thỏa thuận. Thực tế từ khi vay đến nay bà T trả lãi tháng nhiều nhất được 5.200.000đ; tháng ít nhất được 1.000.000đ, một số tháng không trả. Tổng cộng đến nay bà T mới trả được 88.270.000đ tiền lãi. Tính đến tháng 9/2017 bà T còn nợ của bà 530.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là: 191.730.000đ (35 tháng x 8.000.000đ/tháng = 280.000.000đ - 88.270.000đ (đã trả) = 191.730.000đ). Tổng cộng: 721.730.000đ.

Nay bà yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà số tiền: 721.730.000đ.

Bị đơn bà Bùi Hồng T trình bày: Ngày 26/9/2014 (AL) bà có viết giấy với nội dung vay của bà Đỗ Thị Thanh M số tiền 530.000.000đ đây là số tiền có cả gốc lẫn lãi cộng lại mà bà đã vay của bà M từ năm 2012 đến năm 2014. Thỏa thuận vay trong ba năm, trả lãi suất hàng tháng, mỗi tháng là 8.000.000đ. Do hoàn cảnh khó khăn nên mỗi tháng bà mới trả được một phần tiền lãi. Tổng cộng số tiền lãi đã trả

là 88.270.000đ như bà M trình bày là đúng. Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền: 721.730.000đ, bà không đồng ý, đề nghị được thỏa thuận với bà M.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên mọi ý kiến như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh M đối với bà Bùi Hồng T là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay tháng 10/2014. Thỏa thuận trả gốc trong thời hạn 3 năm, lãi trả hàng tháng. Tuy nhiên từ ngày vay đến nay bà T liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi, vì vậy, bà M có quyền khởi kiện và Tòa án TP. Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Điều 429 BLDS 2015]

[Về nội dung: Đối với yêu cầu trả tiền gốc: Bà M khẳng định 530.000.000đ là tiền gốc. Bà T nại rằng trong số tiền 530.000.000đ có cả gốc lẫn lãi. Quá trình tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh trong số tiền 530.000.000đ phần nào là tiền gốc, phần nào là tiền lãi. Xem xét giấy vay thể hiện nội dung: “Tôi Bùi Hồng T...hiện vay cô Đỗ Thị Thanh M.....số tiền là 530.000.000đ...”. Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận lời nại của bà T trong số tiền 530.000.000đ trên có cả gốc lẫn lãi nên xác định 530.000.000đ là toàn bộ tiền gốc. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nay bà M khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số tiền trên nên căn cứ Điều 471; Điều 474; khoản 2 Điều 478 BLDS (2005), buộc bà T phải trả cho bà M toàn bộ số tiền gốc là 530.000.000đ.

Đối với yêu cầu trả lãi với số tiền 191.730.000đ: Theo thỏa thuận tại giấy vay, bà T phải thanh toán cho bà M mỗi tháng 8.000.000đ tiền lãi, bà T cũng thừa nhận điều này. Như vậy có căn cứ hai bên đã thỏa thuận lãi suất tương đương 1,5%/tháng. Các bên không có tranh chấp về lãi suất, nhưng thỏa thuận lãi suất này vượt quá quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 476 BLDS (2005) chấp nhận buộc bà T thanh toán cho bà M số tiền lãi tương ứng trên số tiền gốc bằng 150 % lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước (9%/năm, =0,75%/tháng, 150% tương đương 1,12%/tháng) cụ thể: $530.000.000đ \times 35 \text{ tháng} \times 1,12\% = 207.760.000đ$. Hai bên thống nhất bà T đã thanh toán được cho bà M tổng số 88.270.000đ tiền lãi. Vì vậy chấp nhận buộc bà T thanh toán tiếp cho bà M số tiền lãi là: $207.760.000đ - 88.270.000đ (\text{đã trả}) = 119.490.000đ$.

Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà M buộc bà T phải trả cho bà M số tiền gốc là 530.000.000đ; số tiền lãi là: 119.490.000đ. Tổng gốc và lãi là: 649.490.000đ]

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14.

Bà T phải chịu án phí giá ngạch DSST đối với yêu cầu của bà M được tòa án chấp nhận, số tiền án phí là: 29.979.000đ (làm tròn số).

Bà M là thân nhân liệt sỹ nên miễn án phí DSST cho bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 471; Điều 474; khoản 1 Điều 476; khoản 2 Điều 478 BLDS (2005). Điều 429; khoản 2 Điều 468 BLDS (2015). Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14.

Buộc bà Bùi Hồng T trả cho bà Đỗ Thị Thanh M số tiền còn nợ theo giấy vay ngày 26/9/2014 (AL), tiền gốc là: 530.000.000đ; tiền lãi là: 119.490.000đ, tổng cộng là: 649.490.000đ (Sáu trăm bốn chín triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà M có yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà T phải thanh toán, nếu bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Bà Bùi Hồng T phải chịu: 29.979.000đ án phí DSST.

Miễn án phí DSST cho bà Đỗ Thị Thanh M.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Thanh hóa;
- THADS TPTH;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Hà